



THANH TRA BỘ TƯ PHÁP

**TÀI LIỆU
HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI VÀ TẬP HUẤN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 82/2020/NĐ-CP
NGÀY 15/7/2020 CỦA CHÍNH PHỦ**

Tháng 4 năm 2021



MỤC LỤC

	Nội dung	Trang
Chuyên đề 1:	Những điểm mới cơ bản của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	2
Chuyên đề 2:	Xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đấu giá tài sản	13
Chuyên đề 3:	Kỹ năng thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động đấu giá tài sản	25
Chuyên đề 4:	Thủ tục xử phạt, thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính	31
	Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	65

NHỮNG ĐIỂM MỚI CƠ BẢN
CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 82/2020/NĐ-CP NGÀY 15/7/2020 CỦA CHÍNH PHỦ
Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực
bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình;
thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

Ngày 15/7/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Nghị định này thay thế Nghị định số 110/2013/NĐ-CP 24 tháng 9 năm 2013 và Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH THAY THẾ NGHỊ ĐỊNH SỐ 110/2013/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2015/NĐ-CP

1. Cơ sở pháp lý ban hành Nghị định

1.1. Ngày 24 tháng 9 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 110/2013/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 (*sau đây gọi là Nghị định*). Nghị định đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng trong việc đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực này, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

1.2. Tuy nhiên, từ năm 2016 đến nay, một số văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở pháp lý để ban hành Nghị định đã có sự thay đổi, có văn bản đã được ban hành mới, có văn bản được sửa đổi, bổ sung, dẫn đến nhiều quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong Nghị định không còn phù hợp, cần phải sửa đổi, bổ sung. Cụ thể:

Trong năm 2016 và 2017, Quốc hội khóa XIV đã thông qua các Luật Đấu giá tài sản, Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Luật Trợ giúp pháp lý.

Cùng với đó, Chính phủ đã ban hành các Nghị định có liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP như:

- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định về hòa giải thương mại.

- Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại (*thay thế các Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 sửa đổi, bổ sung tên gọi và một số điều của Nghị định số 61/2009/NĐ-CP*).

Những Luật và Nghị định trên được ban hành với nhiều quy định mới với nhiều hành vi bị nghiêm cấm. Điều này đã đặt ra yêu cầu cần phải nghiên cứu, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực nêu trên

đề bảo đảm hiệu lực thi hành và sự phù hợp với các quy định của các văn bản pháp luật mới, bảo đảm cơ sở pháp lý và chế tài xử phạt khi có hành vi vi phạm xảy ra.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Về kết quả thực hiện Nghị định số 110/2013/NĐ-CP và Nghị định số 67/2015/NĐ-CP

Từ tháng 11/2013 đến 30/6/2017, Bộ Tư pháp đã ban hành 52 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền là 577.500.000 đồng.

Tại các địa phương, Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân các cấp đã ban hành 10.068 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức xử phạt tiền với tổng số tiền là 4.210.661.000 đồng. Ban hành 6.430 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức xử phạt là cảnh cáo.

Đồng thời, các địa phương (15/63 tỉnh) cũng đã áp dụng 200 biện pháp khắc phục hậu quả như: buộc nộp lại số tiền thu lợi bất chính; hủy giấy tờ giả, hủy giấy tờ ban hành trái pháp luật; hủy bỏ hợp đồng, giao dịch trái pháp luật; thu hồi bằng cấp giả; hoàn trả tiền thu thừa cho người yêu cầu công chứng...

Các cơ quan thi hành án dân sự địa phương đã ban hành 223 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 92.413.000 đồng.

Tòa án nhân dân các cấp chưa xử phạt vi phạm hành chính trường hợp nào trong lĩnh vực phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

2.2. Những khó khăn, vướng mắc trong quy định và việc thực hiện Nghị định

2.2.1. Về quy định hành vi vi phạm

Bên cạnh những nội dung quy định cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện công tác xử lý vi phạm hành chính một cách chính xác, đúng nguyên tắc xử lý theo quy định của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP còn có một số nội dung cách hiểu, cách áp dụng chưa thống nhất hoặc chưa được đồng thuận gây khó khăn cho việc xử lý vi phạm hành chính.

Quy định pháp luật về một số lĩnh vực như bồi trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình chưa rõ ràng, một số quy định không còn phù hợp với thực tiễn.

Nhiều hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực được thanh tra như luật sư, công chứng, đấu giá tài sản, thi hành án dân sự chưa có chế tài xử phạt.

2.2.2. Về quy định mức phạt tiền trong các lĩnh vực

Mức phạt đối với một số hành vi vi phạm tại Nghị định số 110/2013/NĐ-CP, Nghị định số 67/2015/NĐ-CP chưa tương xứng, chưa phù hợp với tình hình kinh tế xã hội và chưa đủ tính răn đe đối với các hành vi vi phạm, dẫn đến tình trạng tuy không phổ biến nhưng nhiều cá nhân, tổ chức hiện đang tồn tại tâm lý chung chấp nhận nộp phạt vi phạm hành chính vẫn có lợi hơn so với phải chấp hành đúng quy định của pháp luật về lĩnh vực đó. Hoặc có một số hành vi vi phạm có tính chất, mức độ giống nhau nhưng lại quy định mức tiền phạt khác nhau là chưa phù hợp. Do đó, cần sửa đổi theo hướng tăng mức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm trong các lĩnh vực như luật sư, tư vấn pháp luật, công chứng, chứng thực, hộ tịch, quốc tịch, thi hành án dân sự.

2.2.3. Việc áp dụng các hình thức xử phạt

Căn cứ theo báo cáo của các địa phương, hình thức xử phạt thường xuyên được áp dụng là hình thức cảnh cáo và phạt tiền, trong đó, hình thức phạt tiền được áp dụng

nhiều hơn, tuy nhiên, do mức phạt tiền còn thấp nên việc xử phạt tiền chưa mang tính răn đe cao.

Các hình thức xử phạt: tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn được quy định trong Nghị định còn ít và thực tiễn cũng ít được áp dụng.

2.2.4. Việc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả

Thực tiễn trong thời gian qua, việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng không nhiều, chủ yếu áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả hủy bỏ giấy tờ giả đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hộ tịch.

Nguyên nhân, do hành vi vi phạm phát hiện ít có hành vi vi phạm quy định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Mặt khác, quy định về thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả còn bất cập dẫn đến việc thi hành còn khó khăn.

II. BỐ CỤC CỦA NGHỊ ĐỊNH

Nghị định gồm 9 Chương, 91 điều, cụ thể:

Chương I - Những quy định chung, gồm 04 điều (từ Điều 1 đến Điều 4).

Chương II - Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực **bổ trợ tư pháp** gồm 28 điều (từ Điều 5 đến Điều 33), chia làm 08 mục quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong các hoạt động: *luật sư; tư vấn pháp luật; công chứng; giám định tư pháp; bán đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; thừa phát lại.*

Chương III - Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực **hành chính tư pháp** gồm 24 điều (từ Điều 34 đến Điều 57), chia làm 06 mục quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong các hoạt động: *chứng thực, hộ tịch, quốc tịch, lý lịch tư pháp; phổ biến, giáo dục pháp luật; hợp tác quốc tế về pháp luật; trợ giúp pháp lý; đăng ký giao dịch bảo đảm; bồi thường nhà nước.*

Chương IV - Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực **hôn nhân và gia đình** gồm 06 điều (từ Điều 58 đến Điều 63).

Chương V - Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực **thi hành án dân sự** gồm 02 điều (từ Điều 64 đến Điều 65).

Chương VI - Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực **phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã** gồm 15 điều (từ Điều 66 đến Điều 80).

Chương VII - Các hành vi vi phạm khác, gồm 01 điều (Điều 81) quy định hành vi làm giả tài liệu hoặc sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Chương VIII - Thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính, gồm 07 điều (từ Điều 82 đến Điều 88).

Chương IX - Điều khoản thi hành gồm 03 điều (Điều 89 đến Điều 91).

III. NHỮNG ĐIỂM MỚI CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Về phạm vi điều chỉnh: Nghị định quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động (1) hòa giải thương mại, (2) thừa phát lại; (3) bồi thường nhà nước

Phạm vi của Nghị định vẫn quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong 05 lĩnh vực, gồm hành vi vi phạm quy định trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự và phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Tuy nhiên, trong từng lĩnh vực cụ thể, Nghị định có bổ sung thêm một số hoạt động so với Nghị định số 110/2013/NĐ-CP và Nghị định số 67/2015/NĐ-CP. Cụ thể: trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp bổ sung thêm hoạt động *hòa giải thương mại, thừa phát lại*; trong lĩnh vực hành chính tư pháp bổ sung thêm hoạt động *bồi thường nhà nước*.

1.1. Quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động **hòa giải thương mại (Mục 7 Chương II, từ Điều 28 đến Điều 30)**

Điều 28. Hành vi vi phạm quy định về việc thành lập, đăng ký hoạt động trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh trung tâm hòa giải thương mại, tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam

Điều 29. Hành vi vi phạm về hoạt động của trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh của trung tâm hòa giải thương mại; chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam

Điều 30. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động của hòa giải viên thương mại

1.2. Quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động **thừa phát lại (Mục 8 Chương II, từ Điều 31 đến Điều 33 và Điều 65 Chương V: Hành vi vi phạm quy định của thừa phát lại trong lĩnh vực thi hành án dân sự)**

Điều 31. Hành vi vi phạm về hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, đăng ký hành nghề thừa phát lại; hồ sơ đề nghị thành lập, chuyển đổi, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng, đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động văn phòng thừa phát lại

Điều 32. Hành vi vi phạm quy định về hành nghề thừa phát lại

Điều 33. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động của văn phòng thừa phát lại

1.3. Quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động **bồi thường nhà nước (Mục 6 Chương III, từ Điều 56 đến Điều 57).**

Điều 57. Hành vi vi phạm quy định về hoàn trả

Điều 56. Hành vi vi phạm quy định về yêu cầu bồi thường và giải quyết yêu cầu bồi thường

2. Về đối tượng bị xử phạt

Điều 2 của Nghị định đã bổ sung thêm các tổ chức là đối tượng bị xử phạt sau: *Tổ chức mà nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng; tổ chức có tài sản đấu giá; chi nhánh, văn phòng đại diện của trung tâm trọng tài; trung tâm hòa giải thương mại; chi nhánh, văn phòng đại diện của trung tâm hòa giải thương mại; tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng thừa phát lại.*

3. Về hình thức xử phạt chính

- Về hình thức xử phạt "**cảnh cáo**": Nghị định đã bỏ hình thức xử phạt "**cảnh cáo**" trong một số hoạt động (*Luật sư, tư vấn pháp luật, Công chứng, đấu giá tài sản, giám định tư pháp, chứng thực, hộ tịch, giao dịch bảo đảm, hôn nhân và gia đình, quản lý thanh lý tài sản*) để phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm;

Nghị định số 110/2013/NĐ-CP quy định hình thức xử phạt cảnh cáo tại 40 điều thì hiện nay, trong Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, hình thức xử phạt cảnh cáo chỉ còn quy định tại 8 điều.

- Về hình thức phạt tiền

Nhìn chung, Nghị định đã tăng mức phạt tiền đối với nhiều hành vi vi phạm (tại hầu hết các lĩnh vực, hoạt động). Bên cạnh đó, cũng có những hành vi vi phạm vẫn giữ nguyên mức xử phạt được quy định tại Nghị định số 110/2013/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2015/NĐ-CP, thậm chí, có hành vi được quy định giảm mức phạt tiền so với quy định tại Nghị định số 110/2013/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2015/NĐ-CP cho phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm.

-Về hình thức xử phạt chính “*Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn*”:

Tại Nghị định số 110/2013/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2015/NĐ-CP, hình thức xử phạt “*Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn*” được sử dụng là hình thức xử phạt chính trong các hoạt động luật sư (tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề luật sư từ 6 tháng đến 12 tháng), trong hoạt động công chứng (tước quyền sử dụng Thẻ công chứng viên 12 tháng) và trong hoạt động đấu giá tài sản (tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề đấu giá 12 tháng).

Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, đối với hoạt động luật sư, không còn quy định hình thức xử phạt “*Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn*” là hình thức xử phạt chính.

Đối với hoạt động công chứng, hình thức xử phạt “*Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn*” là hình thức xử phạt chính có thời hạn tước được quy định là từ 9 tháng đến 12 tháng (khoản 7 Điều 22).

Đối với hoạt động đấu giá tài sản, hình thức xử phạt “*Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn*” là hình thức xử phạt chính có thời hạn tước được quy định là từ 9 tháng đến 12 tháng (khoản 7 Điều 15).

-Quy định mới hình thức xử phạt “*Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn*” là hình thức xử phạt chính đối với hoạt động chứng thực (từ 9 tháng đến 12 tháng – khoản 5 Điều 34).

-Đối với hoạt động thừa phát lại, Nghị định cũng quy định hình thức xử phạt “*Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn*” là hình thức xử phạt chính đối với hoạt động chứng thực (từ 9 tháng đến 12 tháng).

4. Đối với hình thức xử phạt bổ sung

- Tại Nghị định số 110/2013/NĐ-CP, hình thức xử phạt bổ sung chỉ được quy định tại **11 điều** (chủ yếu là lĩnh vực hỗ trợ tư pháp), nhưng Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, hình thức xử phạt bổ sung được quy định tại **48 điều**. Nếu không tính hình thức xử phạt bổ sung được quy định tại 3 lĩnh vực mới (7 điều), thì Nghị định 82/2020/NĐ-CP đã bổ sung hình thức xử phạt bổ sung đối với **30 điều**

- Quy định mới hình thức xử phạt bổ sung “*Đình chỉ hoạt động có thời hạn*” (từ 01-03 tháng; 03 -06 tháng; 06-09 tháng) đối với tổ chức trong các hoạt động công chứng; luật sư; đấu giá tài sản; thừa phát lại; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

- Quy định hình thức xử phạt bổ sung “*Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn*” đối với nhiều hành vi vi phạm trong các hoạt động.

5. Về biện pháp khắc phục hậu quả

- Quy định mới 12 biện pháp khắc phục hậu quả nhằm khắc phục một cách triệt để hậu quả của các hành vi vi phạm bị xử phạt:

Nghị định số 110/2013/NĐ-CP chi quy định thêm 4 biện pháp khắc phục hậu quả ngoài các biện pháp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật XLVPHC. Nay, Nghị định số 82/2020/NĐ-CP:

Chi giữ lại 02 biện pháp khắc phục hậu quả của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP:

e) Hủy bỏ kết quả đấu giá tài sản đối với tài sản công;

o) Buộc thu hồi các khoản đã thanh toán hoặc bù trừ không đúng quy định của pháp luật.

- Bỏ đi 02 biện pháp của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP: (1) Hủy bỏ giấy tờ giả;
(2) Buộc thu hồi tài sản đã bị tẩu tán, chuyển nhượng không đúng quy định.

Bổ sung 12 biện pháp khắc phục hậu quả mới gồm:

a) Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy tờ, văn bản đã cấp do có hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung;

b) Buộc tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan thực hiện chứng thực thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan về hợp đồng, giao dịch đã được công chứng, chứng thực;

c) Buộc thu hồi và hủy bỏ giấy tờ, văn bản, tài liệu, chứng cứ giả;

d) Buộc tổ chức hành nghề công chứng thông báo trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở về bản dịch đã được công chứng, văn bản đã được chứng thực;

đ) Buộc cơ quan thực hiện chứng thực đang lưu trữ hồ sơ chứng thực thông báo trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bản dịch đã được chứng thực;

g) Buộc tổ chức đấu giá tài sản thực hiện các thủ tục để đề nghị hủy kết quả đấu giá theo quy định trong trường hợp đấu giá tài sản không phải là tài sản công;

h) Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét việc hủy kết quả đấu giá trong trường hợp đấu giá tài sản không phải là tài sản công;

i) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét việc sử dụng kết luận giám định khi phát hiện vi phạm làm ảnh hưởng đến nội dung của kết luận giám định;

k) Thông báo trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp nơi thừa phát lại đăng ký hành nghề về vi bằng đã được lập do có hành vi vi phạm;

l) Buộc chịu mọi chi phí để khôi phục lại tình trạng ban đầu;

m) Buộc chịu mọi chi phí để khám bệnh, chữa bệnh và chi phí khác (nếu có);

n) Buộc nộp lại số tiền tạm ứng, kinh phí bồi thường;

p) Buộc hủy bỏ tài liệu có nội dung sai sự thật, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

- Tại Nghị định số 110/2013/NĐ-CP, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại 44 điều (trong đó 36/44 điều là biện pháp hủy bỏ giấy tờ giả), nhưng tại Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, biện pháp khắc phục hậu quả đã được quy định tại 63 điều, trong đó bổ sung mới tại hơn 50 điều.

6. Về hành vi vi phạm

- Bổ sung nhiều hành vi vi phạm trong các hoạt động, đặc biệt là các hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp: luật sư, công chứng, đấu giá tài sản.... Cụ thể:

+ Đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động luật sư: bổ sung hành vi vi phạm mới đối với cả 4/4 điều;

+ Đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động tư vấn pháp luật (2 điều): không bổ sung hành vi vi phạm mới;

+ Đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động công chứng: bổ sung hành vi vi phạm mới đối với cả 6/7 điều (01 điều giữ nguyên là hành vi vi phạm của tổ chức XH nghề nghiệp của công chứng viên);

+ Đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động giám định tư pháp: bổ sung hành vi vi phạm mới đối với cả 1/3 điều;

+ Đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động đấu giá tài sản: bổ sung hành vi vi phạm mới đối với cả 4/4 điều;

+ Đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động trọng tài thương mại: bổ sung hành vi vi phạm mới đối với 2/3 điều (giữ nguyên 01 điều về hồ sơ cấp phép);

+ Đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động chứng thực: bổ sung hành vi vi phạm mới đối với 1/3 điều (sửa đổi hành vi của 02 điều);

+ Đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động hộ tịch, quốc tịch, lý lịch tư pháp: bổ sung hành vi vi phạm mới đối với tại 7/11 điều;

+ Đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, hợp tác quốc tế về pháp luật: bổ sung hành vi vi phạm mới đối với 2/3 điều;

+ Đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động trợ giúp pháp lý: bổ sung hành vi vi phạm mới đối với 2/3 điều;

+ Đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động đăng ký bảo đảm bảo đảm: bổ sung hành vi vi phạm mới đối với 1/2 điều;

+ Đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình: bổ sung hành vi vi phạm mới đối với 2/6 điều; bổ sung 01 điều mới (**Điều 60. Hành vi vi phạm quy định về sinh con**);

+ Đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực thi hành án dân sự: bổ sung hành vi vi phạm mới đối với 01/01 điều; bổ sung 01 điều mới (**Điều 65: Hành vi vi phạm của thừa phát lại trong lĩnh vực thi hành án dân sự**);

+ Đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã: bổ sung hành vi vi phạm mới đối với 2/3 điều về quản lý thanh lý tài sản; giữ nguyên 12 điều về trình tự, thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã và 01 điều về quản lý, thanh lý tài sản;

(Tổng số giữ nguyên 30 điều, bổ sung hành vi mới tại 35 điều, chưa kể 03 phần quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính)

- Bỏ một số hành vi vi phạm không còn phù hợp với thực tiễn hoặc do quy định pháp luật nội dung có sự thay đổi: Điểm i khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 22; Điểm b khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 27; khoản 5 Điều 28; điểm d khoản 3 Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 40; điểm a khoản 3 Điều 44; khoản 1 Điều 45, điểm c khoản 4 Điều 50, điểm b và c khoản 5 Điều 64c

7. Quy định chung về việc xử lý đối với hành vi làm giả tài liệu hoặc sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

Nghị định đã quy định chung về việc xử phạt đối với hành vi làm giả tài liệu hoặc sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức tại 01 điều (**Điều 82**)

Nguyên tắc: Khi phát hiện hành vi làm giả tài liệu hoặc sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị: cấp, cấp lại, gia hạn, thay đổi các loại giấy phép;

chứng chỉ hành nghề; thẻ; đăng ký hoặc đăng ký lại hoạt động; đăng ký tập sự; bổ nhiệm; miễn nhiệm; xin phép thành lập và các loại giấy tờ, tài liệu khác trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, thì người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm sang cơ quan tiến hành tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 62 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự không truy cứu trách nhiệm hình sự, thì chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Xử lý vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

8. Về thẩm quyền lập biên bản

- Quy định thẩm quyền lập biên bản trong hoạt động bồi thường nhà nước tại khoản 15 Điều 82:

“15. Người được cử làm người giải quyết bồi thường lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều 56 Nghị định này; người được cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại, cơ quan chi trả tiền bồi thường lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 57; điểm s khoản 2 và điểm s khoản 3 Điều 81 Nghị định này”.

- Quy định thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính đối với công chức, viên chức của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia (Khoản 16 Điều 82):

“16. Công chức, viên chức Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 47; điểm r khoản 2 và điểm r khoản 3 Điều 81 Nghị định này”.

9. Về thẩm quyền xử phạt

- Bổ sung thẩm quyền xử phạt của Thủ trưởng các cơ quan quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động bồi thường nhà nước (thuộc lĩnh vực hành chính tư pháp) tại các khoản 9, 10, 11 Điều 84:

“9. Thủ trưởng cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;*
- b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng với hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động bồi thường nhà nước;*
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;*
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính; điểm a, c và điểm n khoản 3 Điều 3 Nghị định này.*

10. Thủ trưởng cơ quan quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;*
- b) Phạt tiền đến 21.000.000 đồng với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hành chính tư pháp;*
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;*
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính; điểm a, c và điểm n khoản 3 Điều 3 Nghị định này.*

11. Thủ trưởng cơ quan quy định tại khoản 4 Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hành chính tư pháp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính; điểm a và điểm n khoản 3 Điều 3 Nghị định này.”

- Bổ sung thẩm quyền xử phạt của Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Cục Hỗ trợ tư pháp, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực tại Khoản 4 Điều 84 (trương đương thẩm quyền xử phạt của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Tư pháp);

- Bỏ quy định “thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan khác” quy định tại Điều 73 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP¹.

10. Phân định thẩm quyền xử phạt

Phân định thẩm quyền xử phạt đến từng hành vi vi phạm cho từng chức danh có thẩm quyền xử phạt (Điều 88):

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 48 (**Hành vi vi phạm quy định về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật**); khoản 1 Điều 58 (**Hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn**); khoản 1 Điều 61 (**Hành vi vi phạm quy định về giám hộ**); các điểm b và c khoản 1 Điều 62 Nghị định này (**Hành vi vi phạm quy định về nuôi con nuôi**);

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 34 (**Hành vi vi phạm quy định về chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký**)

Điều 35 (**Hành vi vi phạm quy định về chứng thực chữ ký người dịch**)

Điều 36 (**Hành vi vi phạm quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch**) và 37 (**Hành vi vi phạm quy định về đăng ký khai sinh**); khoản 1 và khoản 2 Điều 38 (**Hành vi vi phạm quy định về đăng ký kết hôn**); Điều 40 (**Hành vi vi phạm quy định về cấp, sử dụng giấy xác nhận tình trạng hôn nhân**); khoản 1 và khoản 2 Điều 41 (**Hành vi vi phạm quy định về đăng ký khai tử**); Điều 42 (**Hành vi vi phạm quy định về đăng ký giám hộ**); và Điều 43 (**Hành vi vi phạm quy định về đăng ký nhận cha, mẹ, con**); khoản 1 và khoản 2 Điều 44 (**Hành vi vi phạm quy định về thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc**); các khoản 1, 2 và 3 Điều 45 (**Hành vi vi phạm nguyên tắc đăng ký, quản lý hộ tịch, sử dụng giấy tờ hộ tịch; xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu hộ tịch**); Điều 48 (**Hành vi vi phạm quy định về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp**

¹ Điều 73 Nghị định số 110/2013/NĐ-CP quy định: Ngoài những người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Nghị định này, những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan khác theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao mà phát hiện các hành vi vi phạm hành chính quy định trong Nghị định này thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý của mình thì cũng có quyền xử phạt.

luật) và Điều 49 (Hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của tuyên truyền viên pháp luật, báo cáo viên pháp luật); các khoản 1, 2 và 3 Điều 56 (Hành vi vi phạm quy định về yêu cầu bồi thường và giải quyết yêu cầu bồi thường); khoản 1 và khoản 2 Điều 57 (Hành vi vi phạm quy định về hoàn trả); Điều 58 (Hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn); khoản 1 Điều 59 (Hành vi vi phạm quy định về kết hôn, ly hôn và vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng); các Điều 60 (Hành vi vi phạm quy định về sinh con), 61 (Hành vi vi phạm quy định về giám hộ) và 62 (Hành vi vi phạm quy định về nuôi con nuôi) Nghị định này;

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II; Chương III; Chương IV; các Điều 78, 79 và 80; Chương VII Nghị định này.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra:

a) Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành, Chánh Thanh tra của Sở Tư pháp xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 5; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 6; các khoản 1, 2 và 3 Điều 7; Điều 8; các khoản 1, 2 và 3 Điều 9; Điều 10 và Điều 11; khoản 1 và khoản 2 Điều 12; Điều 13 và Điều 14; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 7 Điều 15; các khoản 1, 2 và 3 Điều 16; các Điều 17, 18, 19, 20 và 21; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 7 Điều 22; khoản 1 và khoản 2 Điều 23; các khoản 1, 2 và 3 Điều 24; Điều 25 và Điều 26; khoản 1 Điều 27; Điều 28 và Điều 29; khoản 1 Điều 30, Điều 31; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 7 Điều 32; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 33; Mục 1 Chương III; Điều 37; khoản 1 và khoản 2 Điều 38; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 39; Điều 40; khoản 1 và khoản 2 Điều 41; Điều 42; Điều 43; khoản 1 và khoản 2 Điều 44; các khoản 1, 2 và 3 Điều 45; khoản 1 và khoản 2 Điều 46; các Điều 47, 48 và 49; Mục 4 và Mục 5 Chương III; các khoản 1, 2 và 3 Điều 56; khoản 1 và khoản 2 Điều 57; Điều 58; khoản 1 Điều 59; các Điều 60, 61 và 62; Điều 65 và Điều 78; các khoản 1, 2 và 3 Điều 79; Điều 80 và các điểm a, b, c, d, đ, e, g, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s và t khoản 2 Điều 81 Nghị định này;

b) Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Tư pháp xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 5; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 6; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 7; Điều 8; các khoản 1, 2 và 3 Điều 9; các Điều 10, 11, 12, 13, 14 và 15; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 16; Điều 17; Mục 4 Chương II; các Điều 21, 22; các khoản 1, 2 và 3 Điều 23; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 24; Mục 6 và Mục 7 Chương II; Điều 31 và Điều 32; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 33; Mục 1 và Mục 2 Chương III; Điều 48 và Điều 49; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 50; Mục 4 và Mục 5 Chương III; các khoản 1, 2 và 3 Điều 56; các khoản 1, 2 và 3 Điều 57; các Điều 58, 59, 60, 61 và 62; các khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 63; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 64; Điều 65 và Điều 78; các khoản 1, 2 và 3 Điều 79; Điều 80; khoản 2 và các điểm a, b, c, d, đ, e, g, k và l khoản 3 Điều 81 Nghị định này;

c) Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Chương II, III, IV, V; các Điều 78, 79 và 80; Chương VII Nghị định này;

d) Cục trưởng Cục Hỗ trợ tư pháp xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II; Mục 6 Chương III; các Điều 65, 78, 79 và 80; các điểm a, b, c, d, đ, e, g, i, k, l, m, s và t khoản 2, các điểm a, b, c, d, đ, e, g, i, k, l, m, s và t khoản 3 Điều 81 Nghị định này;

đ) Cục trưởng Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Mục 1 Chương III; các Điều 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45 và 46; Mục 6 Chương III; các Điều 58, 59, 60, 61 và 62; các điểm m, o, p, q và s khoản 2, các điểm m, o, p, q và s khoản 3 Điều 81 Nghị định này;

e) Các chức danh quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 46 của Luật Xir lý vi phạm hành chính xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 56; Điều 57; điểm s khoản 2 và điểm s khoản 3 Điều 81 Nghị định này.

3. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan thi hành án dân sự:

a) Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 64; khoản 1 Điều 65 Nghị định này;

b) Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Trưởng phòng Phòng Thi hành án cấp quân khu xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 56; các khoản 1, 2 và 3 Điều 57; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 64; các khoản 1, 2 và 3, điểm a và điểm b khoản 4 Điều 65; điểm s và điểm t khoản 2 Điều 81 Nghị định này;

c) Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Mục 6 Chương III; Điều 64; các khoản 1, 2, 3, điểm a và điểm b khoản 4 Điều 65; điểm s và điểm t khoản 2, điểm s và điểm t khoản 3 Điều 81 Nghị định này.

4. Người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 34; các Điều 35, 36, 37, 38, 40, 41, 42, 43, 44, 45 và 46; các điểm k, m, o, p và q khoản 2, các điểm k, m, o, p và q khoản 3 Điều 81 Nghị định này.

5. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Tòa án các cấp:

a) Thẩm phán được phân công giải quyết vụ việc phá sản xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 66, 67, 69 và 71; khoản 1 Điều 73; các Điều 75, 76 và 77 Nghị định này;

b) Chánh án Tòa án cấp huyện xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 66, 67, 69 và 71; khoản 1 Điều 73; khoản 1 Điều 75; Điều 76 và Điều 77 Nghị định này;

c) Chánh án Tòa án cấp tỉnh xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại các Điều 56, 57, 66, 67, 69, 71, 72, 73, 75, 76 và 77; điểm s khoản 2 và điểm s khoản 3 Điều 81 Nghị định này./.